

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Nguyễn Duy Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Quang D; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Vũ Quang D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh ở thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian

đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai bên đã sống ly thân 10 năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Vũ Thùy T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002 và Vũ Minh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005. Ly hôn anh có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cho anh và chị T mỗi người nuôi một con chung sau ly hôn. Anh nuôi con chung Vũ Minh Q còn để chị T nuôi con Vũ Thùy T. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị T sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Quang D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2008 do anh D có người phụ nữ khác nên hai bên phát sinh mâu thuẫn do đó chị và anh D đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến năm 2017 do anh D nghi ngờ chị có người đàn ông khác nên đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được mà ngày càng căng thẳng hơn. Nay anh D xin ly hôn chị đồng ý, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, hôn nhân không có hạnh phúc, hai bên không thể khắc phục đoàn tụ được.

Về con chung: Chị và anh Vũ Quang D có hai con chung Vũ Thùy T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002 và Vũ Minh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005. Nếu Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị, chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung Vũ Thùy T còn để anh D nuôi con chung Vũ Minh Q. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên thỏa thuận.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào các điều 28, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Vũ Quang D được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con chung Vũ Minh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005 cho anh Vũ Quang D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Thùy T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: anh Vũ Quang D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định hoãn phiên tòa, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Vũ Quang D và chị Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, đánh cãi nhau, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân từ 10 năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo chị T đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho hai bên. Tuy nhiên, chị T vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa anh D vẫn giữ quan điểm do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hai bên không có hạnh phúc, không thể khắc phục đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị chị T xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D, sống ly thân 10 năm nay, hôn nhân không có hạnh phúc, việc anh D xin ly hôn chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh Vũ Quang D và chị Nguyễn Thị T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh D và chị T là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan

hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Vũ Quang D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Vũ Quang D và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Vũ Thùy T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002 và Vũ Minh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005. Quá trình giải quyết vụ án anh D và chị T có quan điểm đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi dưỡng một con chung sau ly hôn, anh D nuôi con Vũ Minh Q còn chị T nuôi con Vũ Thùy T. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự, nguyện vọng của con chung. Giao con chung Vũ Minh Q cho anh D nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thùy T sau ly hôn là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh Vũ Quang D và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Vũ Quang D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Vũ Quang D và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quang D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Giao con chung Vũ Minh Q, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2005 cho anh Vũ Quang D nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Thùy T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002 cho chị Nguyễn Thị T tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Anh Vũ Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007464 ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Quang D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Vũ Quang D có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Nguyễn Duy Tuấn

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đồng Thái, A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND TT A, A, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

